

**Hiện trạng sản xuất, chế biến và  
tiêu thụ  
rau quả ở tỉnh Hưng Yên**

**Hồ Thanh Sơn, Đào Thế Anh**

**Bộ môn HTNN, Viện khoa học NN**

- **Mục đích nghiên cứu:** Đánh giá nhanh về hiện trạng sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm rau quả của tỉnh Hưng Yên.
- **Phương pháp thu thập thông tin**
  - + Sử dụng số liệu thống kê về sản xuất, chế biến và tiêu thụ rau quả hàng năm của tỉnh
  - + Phỏng vấn các cơ quan địa phương: Phòng nông nghiệp, Sở NN & PT NT, Sở KH & ĐT, Trung tâm khuyến nông...
  - + Phỏng vấn các doanh nghiệp chế biến, một số tác nhân buôn bán - thu gom nguyên liệu, các hợp tác xã và nông dân sản xuất rau quả....

# Đặc điểm chính của tỉnh Hưng Yên

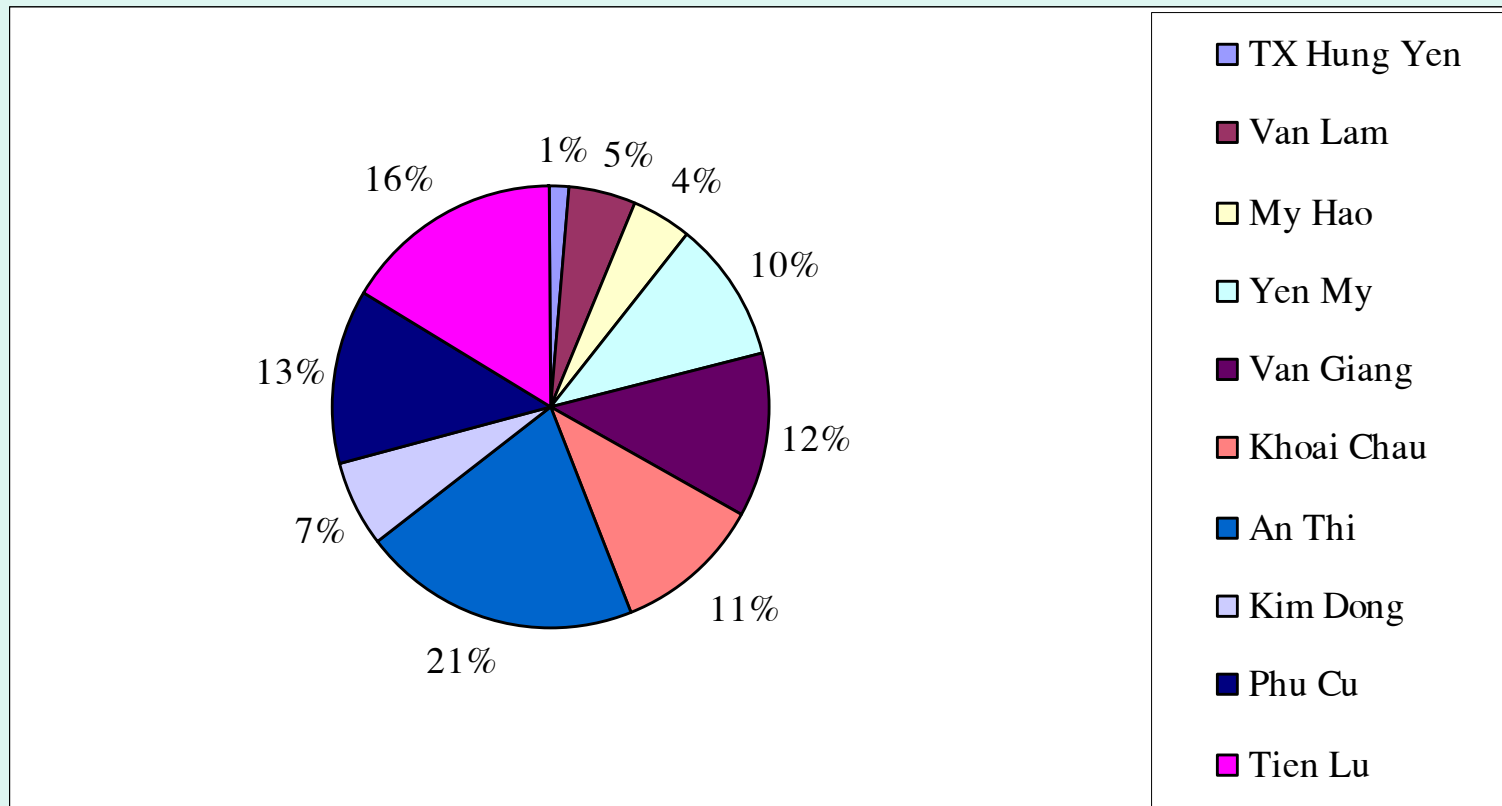
- Tỉnh nằm trong Đồng Bằng Sông Hồng
- Giáp ranh với thành phố Hà Nội
- Hệ thống giao thông thuận lợi
- Có tốc độ chuyển đổi có cấu kinh tế NN, NT nhanh
- Đất đai phù thuận lợi cho sản xuất rau quả
- Diện tích đất nông nghiệp: 119 000 *ha*.
- Trồng trọt đa dạng cao: sản xuất lúa, rau màu vụ đông, cây ăn quả

# Sản xuất rau Hưng yên

| <b>Năm</b> | <b>Diện tích<br/>( ha)</b> | <b>Năng suất<br/>(tấn/ha)</b> | <b>Sản lượng<br/>(tấn)</b> |
|------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------------|
| 2000       | 9852                       | 14,16                         | 139529                     |
| 2001       | 10479                      | 15,58                         | 163207                     |
| 2002       | 11125                      | 16,55                         | 184173                     |
| 2003       | 11808                      | 16,90                         | 199571                     |
| 2004       | 11300                      | 17,74                         | 218200                     |

Tốc độ diện tích tăng 3%/ năm, năng suất tăng 6%/ năm và sản lượng tăng 17%/ năm

## Cơ cấu về diện tích rau của các huyện thị



Một số huyện sản xuất rau lớn như: Tiên Lữ, Ân Thi và Phú Cù

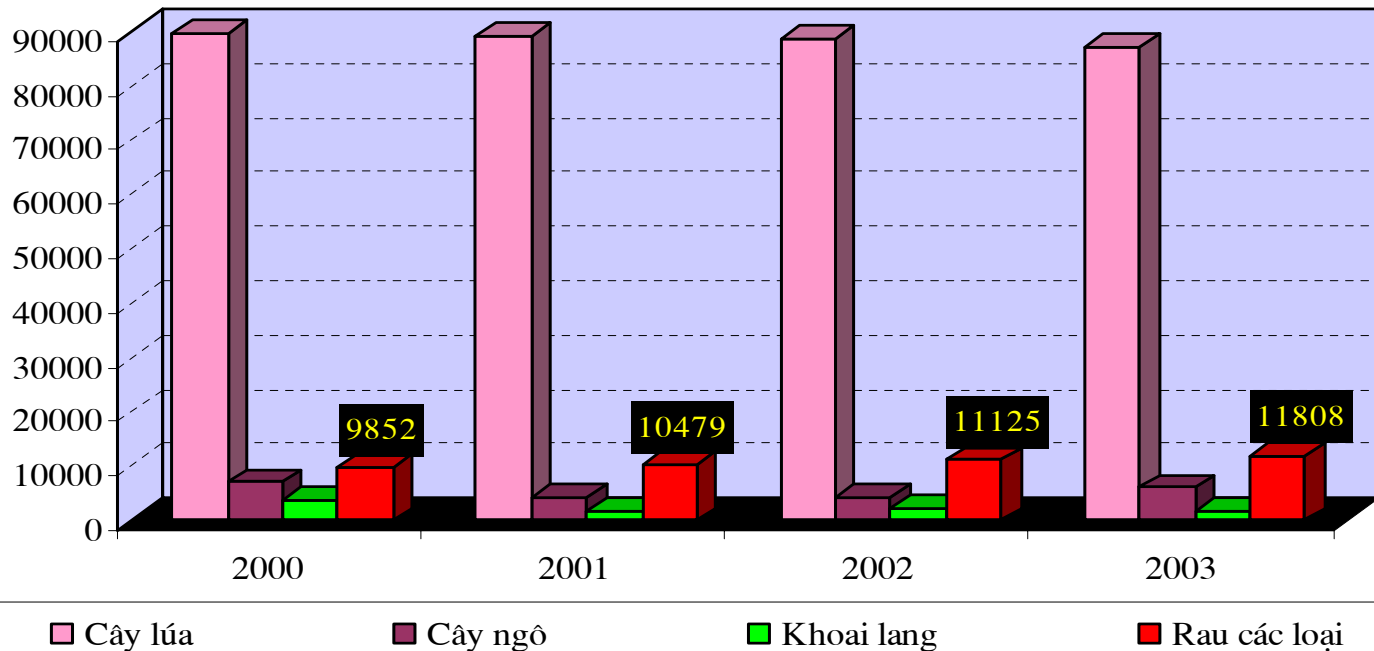
**Diện tích các loại rau Hưng yên***Đơn vị: ha*

| <b>Sản phẩm</b> | <b>2003</b> | <b>2004</b> |
|-----------------|-------------|-------------|
| Rau muống       | 852         | 919         |
| Cải các loại    | 2261        | 1865        |
| Cải bắp         | 472         | 449         |
| Su hào          | 655         | 634         |
| Khoai tây       | 1686        | 1419        |
| Hành, tỏi       | 810         | 732         |
| Cà chua         | 730         | 742         |
| Bầu, bí, mướp   | 1454        | 1428        |
| Dưa chuột       | 559         | 725         |
| Rau khác        | 2888        | 3291        |

# Diện tích rau so với các cây trồng khác Hưng yên

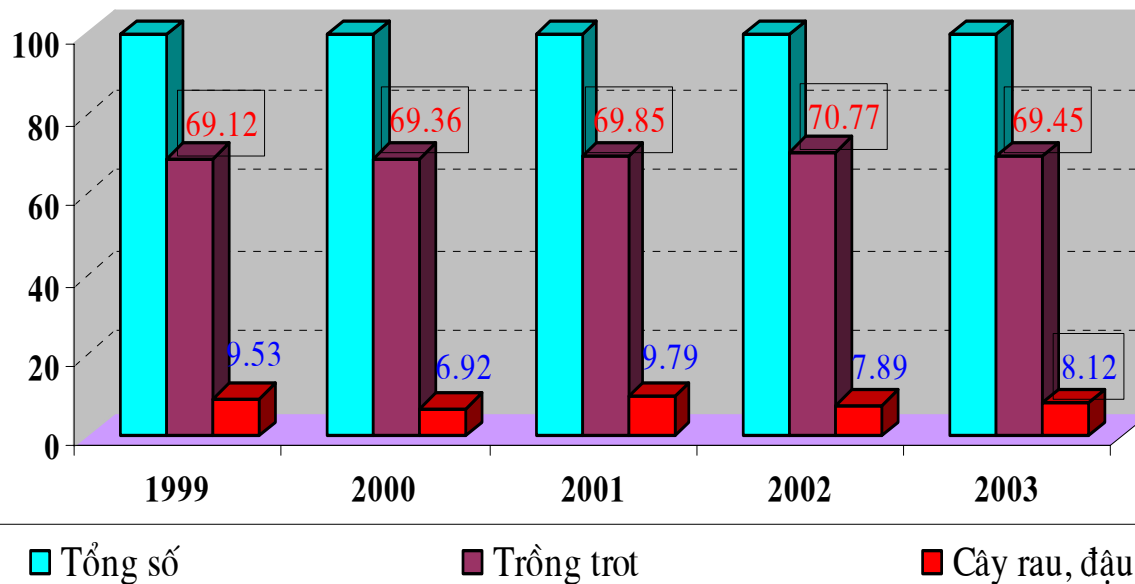
Đơn vị: ha

## Diện tích trồng rau so với một số loại cây trồng khác



# Giá trị sản xuất của cây rau Hưng yên

Đơn vị: %





## Nhận xét về sản xuất rau

- DT rau có xu hướng giảm chung trên toàn tỉnh, tuy nhiên năng suất và sản lượng rau lại tăng.
- Sự chênh lệch về diện tích rau giữa các huyện, một số vùng sản xuất rau lớn như huyện Tiên lữ, Ân Thi và Phú Cừ
- Một số loại rau vụ đông DT lớn có xu hướng giảm: cải các loại, khoai tây & hành tỏi.
- Các loại rau có xu hướng tăng DT như: rau muống (vụ hè) tiêu thụ tại địa phương; cà chua, dưa chuột (vụ đông) cung cấp nguyên liệu cho các DN chế biến.
- Cây rau đông có xu hướng thay thế cây vụ đông khác như ngô, khoai lang...

# Sản xuất quả Hưng yên

| <b>Năm</b> | <b>Diện tích<br/>( ha)</b> | <b>Năng suất<br/>(tấn/ha)</b> | <b>Sản lượng<br/>(tấn)</b> |
|------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------------|
| 2000       | 5995                       | 12,40                         | 15527                      |
| 2001       | 5863                       | 14,16                         | 13782                      |
| 2002       | 6303                       | 12,37                         | 17365                      |
| 2003       | 6211                       | 14,20                         | 14663                      |
| 2004       | 5871                       | 15,37                         | 16546                      |

Tốc độ diện tích giảm 1%/ năm, năng suất tăng 6%/ năm và sản lượng tăng 3%/ năm

## Diện tích các loại quả chính Hưng yên

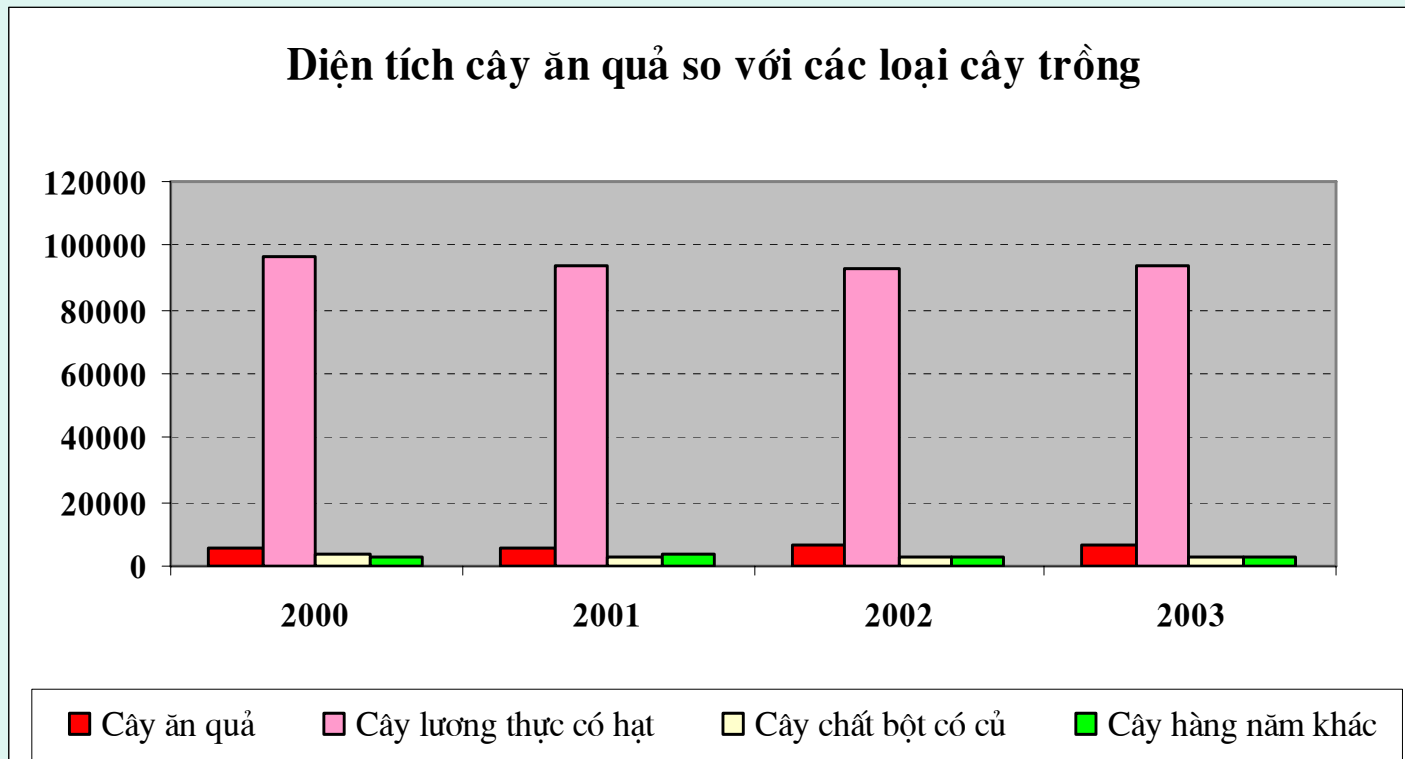
*Đơn vị: ha*

|                  | <b>2003</b> | <b>2004</b> |
|------------------|-------------|-------------|
| Cam, chanh, quýt | 1093        | 1350        |
| Chuối            | 2073        | 1870        |
| Nhãn, vải thiều  | 2304        | 2600        |
| Bưởi             | 51          | 51          |
| Táo              | 690         |             |

Diện tích cam, chanh, nhãn và vải thiều tiêu thụ ở thị trường Hà Nội, các tỉnh lân cận và tỉnh Hưng Yên tăng nhanh. Quả nhãn, vải là sản phẩm dùng làm nguyên liệu chế biến.

# Diện tích quả so với các cây trồng khác

Đơn vị: ha



## Nhận xét về sản xuất cây ăn quả

- Diện tích cây ăn quả giảm, tuy nhiên năng suất & sản lượng lại có sự biến động từng năm & có xu hướng tăng.
- Một số loại cây ăn quả diện tích lớn có xu hướng tăng DT như: nhãn, vải, cam và chanh
- Cơ cấu về diện tích cây ăn quả cao hơn một số loại cây trồng khác như: cây chất bột có củ, cây hàng năm khác.

# Ngành chế biến rau quả Hưng yên

+ **Số đơn vị chế biến:** 34 trong đó (DNNN:3%;  
DNTN:21%, Cty TNHH: 76% )

+ **Quy mô**

- DN chế biến có quy mô lớn chiếm: 12% (sản lượng: 2500 tấn rau quả/năm).

- DN chế biến có quy vừa & nhỏ chiếm: 88% (sản lượng: 600 - 1500 tấn rau quả/năm)

+ **Sản phẩm chế biến:** rau (dưa bao tử, ngô bao tử, cà chua, đậu hà lan...), quả (vải, nhãn và mận)

+ **Hoạt động chế biến:** đóng chai, đóng hộp, rau dầm & sấy khô

+ **Tổng sản lượng chế biến rau quả:** 27.500 tấn/năm

## Thu mua nguyên liệu chế biến Hưng yên

- **Thu mua nguyên liệu trong tỉnh: Rau: 20%; Quả 10%**
  - + Nơi thu mua: *huyện Tiên Lữ, Ân Thi, Văn Giang, Phú Cù*
  - + Sản phẩm thu mua: *rau* (dưa bao tử, ngô bao tử, cà chua, đậu hà lan...), *quả nhãn*
- **Thu mua nguyên liệu tỉnh ngoài: Rau: 80%; Quả 90%**
  - + Nơi thu mua: *tỉnh Thái Bình, Hải Dương, Nam Định, Hà Nam và Sơn La*
  - + Sản phẩm thu mua: *rau* (dưa bao tử, ngô bao tử, cà chua, đậu hà lan...), *quả nhãn, vải và mơ*

## Nguồn cung cấp rau quả chế biến Hưng yên

| Quy mô,<br>Loại sản phẩm | Tự sản<br>xuất | Nông<br>dân | Bán buôn | Thu gom | Khác |
|--------------------------|----------------|-------------|----------|---------|------|
| Nhỏ                      | 15             | 85          | 0        | 0       | 0    |
| Trung bình               | 0              | 62          | 23       | 10      | 5    |
| Lớn                      | 0              | 40          | 12       | 48      | 0    |
| Rau                      | 15             | 67          | 12       | 20      | 1    |
| Quả                      | 0              | 64          | 17       | 16      | 3    |

Nguyên liệu chế biến chủ yếu được thu mua trực tiếp từ người sản xuất.

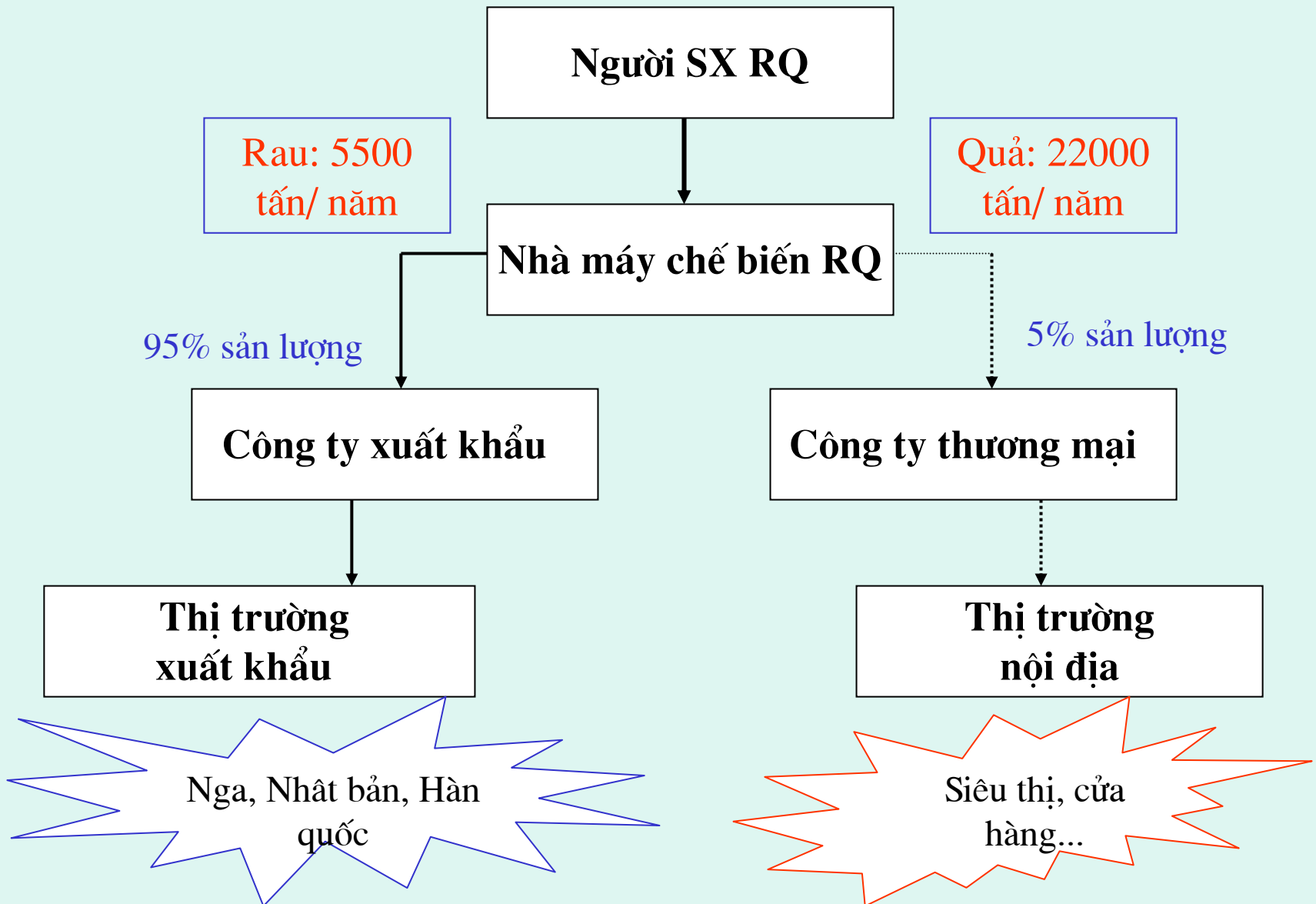


## Nguyên liệu thu mua theo hợp đồng Hưng yên

| Quy mô, loại sản phẩm | %  |
|-----------------------|----|
| Nhỏ                   | 53 |
| Trung bình            | 75 |
| Lớn                   | 83 |
| Rau                   | 90 |
| Quả                   | 20 |

Rau chế biến được thu mua theo hợp đồng chiếm tỷ lệ cao

# Các kênh tiêu thụ rau quả chế biến



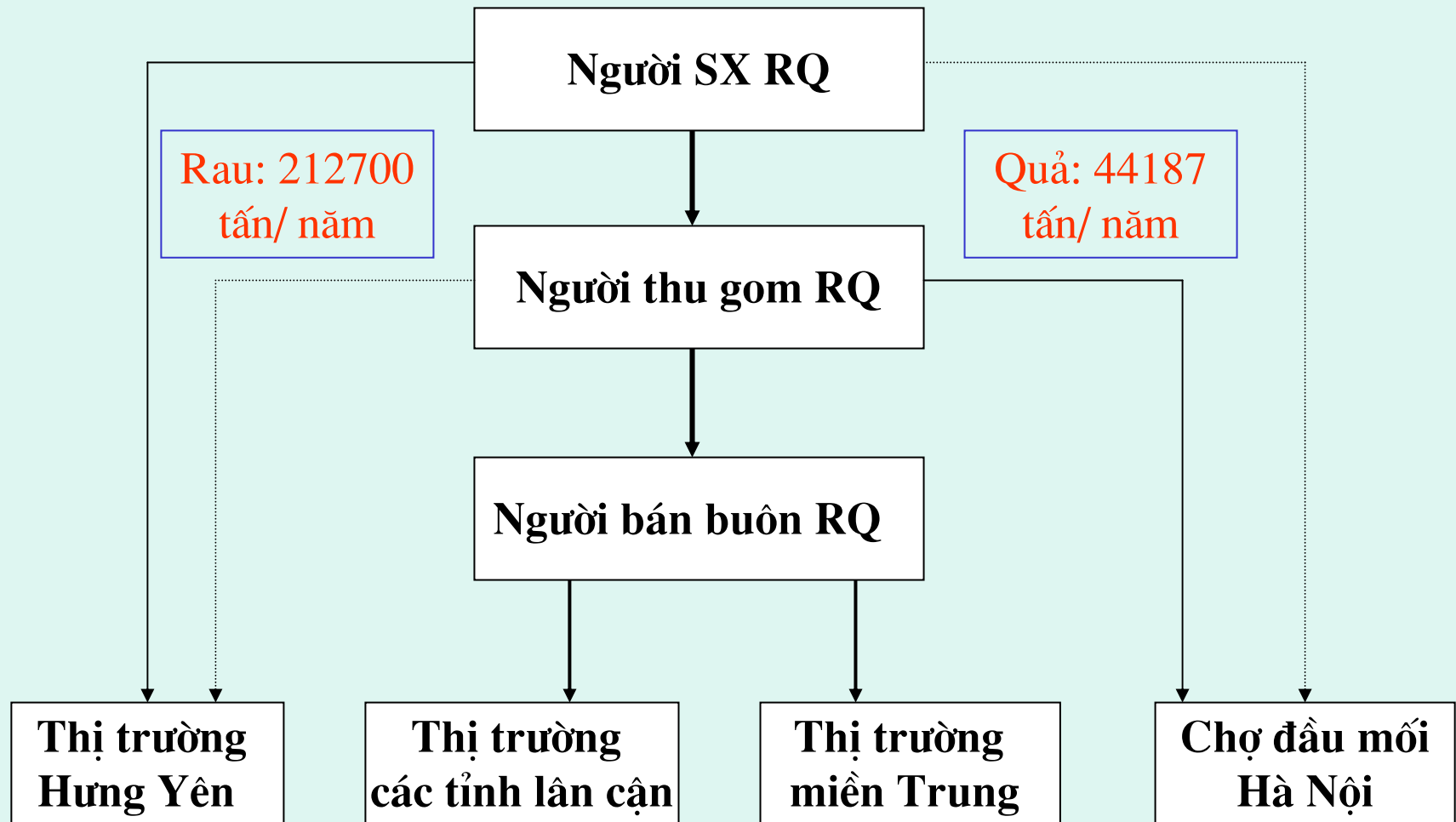
## Nhận xét về hoạt động chế biến

- Ngành chế biến rau quả Hưng Yên chủ yếu thuộc sở hữu của tư nhân
- Doanh nghiệp chế biến vừa & nhỏ giữ vai trò chủ đạo
- Hoạt động chế chủ yếu là luộc (rau) & sấy khô (quả)
- Sản phẩm chế biến chưa đa dạng & chủ yếu là quả (nhãn, vải).
- Nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy chế biến phần lớn được thu mua từ các tỉnh ngoài, mua trực tiếp của nông dân
- Sản phẩm chế biến để xuất khẩu (95%).

## Xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý

- Trái cây được biết đến của Hưng Yên là quả Nhãn Lồng, mặc dù nó chưa được xây dựng thương hiệu nhưng đã bán rất chạy, mức giá bán cao.
- Một số mô hình sản xuất RAT ở xã Như Quỳnh, xã Trung Nghĩa.
- Hưng Yên phải lấy nhãn hiệu thương mại của đơn vị ký hợp đồng bao tiêu SP như HTX RAT Đặng xá, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội.
- Sản phẩm rau quả chế biến xuất khẩu của Hưng Yên được lấy thương hiệu, nhãn hiệu của khách hàng nước ngoài, chỉ có 10% khối lượng sản phẩm lấy nhãn hiệu của DN chế biến trên địa bàn, ví dụ Cty Fintec.

# Các kênh tiêu thụ rau quả tươi



# Chính sách phát triển rau quả

- Công văn số 273/ CV-NN, ngày 16 tháng 9 năm 2005 của Sở NN & PTNT (V/ v: *Tập trung chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh*).
- UBND tỉnh có chỉ đạo số 05/ 2005/ CT-UB, ngày 25 tháng 5 năm 2005 về (*Biện pháp chỉ đạo sản xuất vụ mùa và phương hướng sản xuất vụ đông 2005-2006*).
- Sở KH & ĐT đã có một số ưu tiên trong việc cấp giấy phép kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành các thủ tục đầu tư, hỗ trợ trong việc cấp đất cho các DN đăng ký hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông sản

# Chương trình, dự án phát triển rau quả

| Tên                                  | Đơn vị tài trợ     | Đơn vị thực hiện  | Hoạt động   |
|--------------------------------------|--------------------|---|---|
| Đề tài xây dựng mô hình sản xuất RAT | UBND tỉnh Hưng Yên | Trung tâm huyện nông tỉnh<br>Sở NN & PTNT Hưng Yên<br>Viện nghiên cứu rau quả | Khoanh vùng SX<br>Lập mô hình SX RAT<br>Tập huấn KT SX RAT<br>Thử nghiệm giống mới                                    |
| Dự án bảo tồn giống nhãn lồng        | UNDP               | Viện nghiên cứu di truyền NN  | Xác định danh giới vùng nhãn gốc<br>Phân tích hiệu quả kinh tế của cây nhãn lồng<br>Nghiên cứu thị trường             |
| Hiệp hội nhãn lồng                   | UBND tỉnh Hưng Yên | Sở KH-CN & MT Hưng Yên<br>Sở NN & PTNT Hưng Yên                               | T.lập hiệp hội nhãn lồng<br>Bình chọn & quản lý cây nhãn đầu dòng<br>Hội chợ giới thiệu SP<br>Làm hồ sơ xin ĐK T.hiệu |

# Kết luận

- Diện tích rau quả có xu hướng giảm, trong khi năng suất & sản lượng tăng
- Diện tích một số loại rau quả sử dụng làm nguyên liệu chế biến (dưa chuột, cà chua, nhãn, vải) có xu hướng tăng.
- Nguyên liệu của các nhà máy chế biến được thu mua trực tiếp của nông dân, thông qua hợp đồng ký kết từ đầu vụ chiếm tỷ lệ cao, tuy nhiên phần lớn sản lượng được thu mua từ các tỉnh ngoài.



## Kết luận (tiếp)

- Rau quả chế biến và các loại rau quả tươi có nhãn hiệu, nhãn chất lượng chiếm tỷ lệ thấp
- Các loại rau quả tươi được tiêu dùng trong nước, sản phẩm rau quả chế biến chủ yếu để xuất khẩu.
- Các chính sách của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển SX & chế biến rau quả tập trung chủ yếu vào kỹ thuật, ít quan tâm đến việc tổ chức sản xuất và xúc tiến thương mại.
- Không có nhiều chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và chế biến rau quả.

# Kiến nghị

- Tỉnh & các chương trình, dự án cần có sự hỗ trợ nông dân tổ chức SX nguyên liệu cho các nhà máy chế biến theo hợp đồng, tạo ra SP đồng đều & chất lượng cao.
- Lựa chọn một số doanh nghiệp chế biến có tiềm năng để đầu tư vốn, hỗ trợ về KHKT nhằm thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của ngành chế biến rau quả.
- Khuyến khích thành lập các cơ quan chứng nhận chất lượng rau quả nhà nước và tư nhân.
- Hỗ trợ các tổ chức nông dân, doanh nghiệp chế biến xây dựng thương hiệu cho sản phẩm.
- Chính sách PT SX & chế biến rau quả của tỉnh cần tập trung nhiều về khâu tổ chức SX & xúc tiến thương mại.